

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2023/DS-PT

Ngày: 10/02/2023

V/v Tranh chấp yêu cầu công  
khai xin lỗi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Quy

***Các Thẩm phán:***  
1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương  
2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 560/2022/TLPT-DS ngày 01/12/2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu công khai xin lỗi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận I - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6281/2022/QĐ-PT ngày 13/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 20260/2022/QĐ-PT ngày 30/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 508/2023/QĐ-PT ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Châu G, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 18/7 đường P, Phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà G: Ông Nguyễn Hữu Q - Luật sư Công ty Luật TNHH Dư Niên thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng trệt cao ốc Hoàng Đan, 12M đường U, phường Y, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh

***2. Bị đơn:***

***2.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần M***

Địa chỉ: Số 442 đường U, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn Q

Địa chỉ: Số 442 đường U, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Ông Phùng Công D - Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 147 đường R, Phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Quỳnh A, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 90 đường L, phường K, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tri Thắng - Luật sư Công ty Luật TNHH Nam Hà và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 90 đường L, phường K, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Châu G.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2021 và các buổi hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Châu G trình bày:*

Bà và Ngân hàng Thương mại Cổ phần M đã ký kết những Hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số LNC.CN.2440.071119 ngày 12/11/2019 với thời hạn vay là 6 tháng, số tiền 5.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LNC.CN.2477.071119 ngày 12/11/2019 với thời hạn vay là 120 tháng, số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LNC.BĐCN.323.071129 ngày 12/11/2019 với tài sản bảo đảm là Căn nhà số 18, đường số 1, khu dân cư NL, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 4/2020, do gặp khó khăn bởi đại dịch Covid 19, bà đã có đơn xin gia hạn thời hạn vay và hoàn trả vốn đối với Hợp đồng tín dụng số LNC.CN.2440.071119 và cam kết “hoàn trả lãi vay và vốn vay trong vòng 03 tháng kể từ ngày chính phủ Việt Nam và các nước trên thế giới tuyên bố không chế được dịch Covid 19”. Tuy nhiên, Ngân hàng chỉ cho phép bà cơ cấu lại nghĩa vụ trả nợ gốc trong thời gian từ ngày 25/5/2020 đến ngày 31/7/2020 bằng Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số LNC.CN.2440.07.1119/SĐBS-01. Nghĩa là chỉ cho bà gia hạn trong vòng 02 tháng 06 ngày. Thời gian này quá ngắn nhưng vì tình thế khó khăn lúc đó bà bắt buộc phải ký dù biết rằng với thời hạn này bà chưa thể có tiền kịp thời.

Thời gian này bà cũng báo và thường xuyên cập nhật với Ngân hàng - Chi nhánh V về quá trình tiến hành các thủ tục bán nhà của mẹ bà để có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 04/8/2020, bà M – giám đốc Chi nhánh ký thông báo chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn đối với số dư nợ gốc đã bị chuyển nợ quá hạn với khoản vay 5 tỷ và thu hồi luôn nợ trước hạn với khoản vay dài hạn (10 năm) 1,5 tỷ. Ngân hàng đồng thời chuyển bà sang nhóm nợ 4.

Ngày 18/8/2020, bà và ông N (đại diện Ngân hàng) làm việc tại Chi nhánh V, theo đó, bà tiếp tục khẳng định lại việc công ty bà đang đầu tư góp vốn gặp khó khăn do dịch Covid 19, bà sẽ cố gắng tìm nguồn tiền khác để trả nợ đến ngày 31/8/2020, nếu không “Ngân hàng sẽ tiến hành các biện pháp thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật”

Tuy nhiên, đến ngày 20/10/2020, bà C – giám đốc Phòng Quản lý nợ Ngân hàng lại ký văn bản số 4154/CV-QLN gửi Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung đề nghị hỗ trợ thu nợ đối với bà. Theo đó, Ngân hàng cho rằng đã liên hệ và nhắc nhở bà nhiều lần nhưng bà vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đúng hợp đồng, cam kết đã ký với Ngân hàng. Qua văn bản này, Ngân hàng cũng thông tin cho cơ quan bà biết số nợ của bà tại Ngân hàng đồng thời đề nghị cơ quan bà “Hỗ trợ đơn đốc bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hoặc hàng tháng trích lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp và các khoản thu nhập khác của bà để thanh toán nợ cho Ngân hàng như hợp đồng cấp tín dụng đã ký”.

Với các nội dung, Ngân hàng nêu trong văn bản không đúng với thực tế:

- Bà đã chủ động thông báo, cung cấp toàn bộ thủ tục và tiến độ của quá trình bán nhà của mẹ bà để nhanh chóng có tiền trả nợ vay cho Ngân hàng.

- Số tiền 5.606.477.240 đồng mà “bên vay là Trần Thị Châu G” như Ngân hàng đề cập đến trong văn bản là số tiền nợ chung của bà và ông H chứ không phải là tiền vay của một mình cá nhân bà.

- M cho rằng “đã nhiều lần liên hệ và nhắc nhở bà thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng”, nhưng thực tế Ngân hàng chỉ gửi bà 02 văn bản thu hồi nợ và 01 thư đề nghị trả nợ.

- Văn bản của Ngân hàng cũng thể hiện trong quá trình vay vốn “bà đã cung cấp các chứng từ thể hiện bà đang làm việc và có thu nhập từ lương tại Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố”. Thực tế, bà cung cấp các chứng từ bằng bản chính, có đóng dấu mộc đỏ của các bên liên quan nếu có tư cách pháp nhân. Tuy nhiên, không biết Ngân hàng căn cứ vào đâu để cho rằng chính bà là người đã cung cấp cho Ngân hàng các chứng từ thể hiện các nguồn thu nhập của bà tại Ủy ban, không liên quan gì được việc vay vốn của bà tại Ngân hàng. Và căn cứ vào đó bà C đã ký gửi công văn số 4154/CV-QLN đến cơ quan bà.

- Lãnh đạo của cơ quan bà cũng chưa bao giờ có văn bản với nội dung ký bảo lãnh cho bà được vay tiền của Ngân hàng dưới danh nghĩa Ủy ban. Tiền lương của bà tại Ủy ban cũng không đủ để cơ quan bà có thể bảo lãnh cho bà vay số tiền lớn như vậy với Ngân hàng.

- Bà và ông H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LCN.BĐCN.323071119 ngày 12/11/2019 tài sản đảm bảo là Căn nhà số 18, đường số 1, Khu dân cư NL, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng định giá trên 12 tỷ đồng để được Ngân hàng chấp thuận cho vay 6.500.000.000 tỷ đồng. Đây là tài sản riêng của bà và ông Hùng và là tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà và ông Hùng tại Ngân hàng, không phải tài sản của cơ quan bà.

Với những nội dung không đúng sự thật của văn bản đã nói trên, đã được lãnh đạo của cơ quan bà là ông Phùng Công D tiếp tục có bút phê bằng chữ ký trên công văn số 835 ngày 02/11/2020 dưới mục chuyển cho các lãnh đạo khác và các phòng ban trong cơ quan bà như Phòng kinh tế, Phòng tổ chức, Văn phòng mà không cần tiếp xúc với bà để kiểm tra, đối chiếu thông tin, bất chấp nội dung công văn này không liên quan đến chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban. Vì là văn bản do lãnh đạo cơ quan có bút phê chuyển các phòng nên nội dung của văn bản đã gây nên một sự bàn tán xôn xao trong cơ quan làm tổn hại nghiêm trọng đến danh dự cá nhân bà khiến bà vô cùng mệt mỏi, nhục nhã và uất ức vì sự bịa đặt trắng trợn của Ngân hàng.

Việc làm này của M không phải là một trong các biện pháp thu hồi nợ theo đúng quy định pháp luật mà là hành vi cố ý vi phạm pháp luật và những điều cấm của các tổ chức tín dụng và ngân hàng để bôi nhọ và làm nhục danh dự và nhân phẩm của bà.

Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu gặp lãnh đạo Ngân hàng, thông báo cho Ngân hàng biết hành vi trái luật của Ngân hàng và những hậu quả của Ngân hàng đang gây ra cho bà và hơn hai lần bà đã thể hiện trên biên bản làm việc nhưng đến nay, Ngân hàng cũng chưa có động thái nào thể hiện sự khắc phục hậu quả đối với hành vi của Ngân hàng như đã trình bày ở trên đối với bà.

Do đó, bà yêu cầu Ngân hàng phải có văn bản gửi về Ủy ban đề nghị thu hồi lại văn bản số 4154/CV-QLN của bà C đã ký gửi vào cơ quan bà, cử lãnh đạo Ngân hàng xin lỗi bà công khai trước toàn thể cán bộ - công nhân viên của cơ quan bà, trên văn bản thể hiện nội dung xin lỗi phải đảm bảo các ý như sau: “Ngân hàng M xin gửi lời Xin lỗi đến bà Trần Thị Châu G vì chúng tôi đã vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định của ngân hàng và các tổ chức tín dụng, vi phạm hợp đồng đã ký kết, cung cấp thông tin không chính xác đến Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài là một đơn vị không liên quan đến hợp đồng tín

dụng đã ký và không có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng M. Việc làm này của chúng bà đã làm quý Ủy ban hiểu sai sự việc và làm tổn thương danh dự, cũng như gây mất uy tín của bà G trong cơ quan. Ngân hàng M xin được thu hồi lại văn bản số 4154/CV-QLN của bà C đã ký gửi Ủy ban ngày 20/10/2020 và xin cử ông/bà..., chức vụ:... là đại diện của Ngân hàng TMCP M sẽ thực hiện việc xin lỗi bà G công khai tại Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố vào lúc ... giờ, ngày thứ .../.../... (ngay sau buổi chào cờ ngày thứ hai hàng tuần hoặc buổi họp giao ban hàng tháng của Ủy ban)”.

Yêu cầu ông Đỗ Minh Toàn là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng M, bà C - Giám đốc Phòng Quản lý nợ M và bà Lê Thị M – giám đốc Phòng giao dịch chi nhánh V phải đến trực tiếp tại cơ quan bà tại địa chỉ 147 R, Phường O, Quận I để thực hiện việc xin lỗi công khai trước toàn thể cán bộ - công nhân viên của cơ quan bà trong buổi chào cờ ngày thứ hai hoặc buổi họp giao ban cơ quan.

Yêu cầu đăng tải lên báo Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh - Trang I - có đóng khung, liên tục trong vòng một tháng, mỗi tuần 03 ngày vào ngày thứ hai, ba, tư và sáu hàng tuần.

Đối với ông Phùng Công D : Phải ra quyết định thu hồi và tiêu hủy văn bản số 4154/CV-QLN mà ông đã có bút phê gửi các lãnh đạo và các phòng trong Ủy ban thể hiện trên công văn đến số 835 ngày 02/11/2020. Đồng thời, phải có văn bản cũng như xin lỗi bà công khai tại buổi giao ban toàn cơ quan hoặc ngay sau thời gian mà Ngân hàng M thực hiện việc xin lỗi bà.

Nội dung xin lỗi phải đảm bảo các ý như sau: “Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài là một đơn vị không liên quan đến hợp đồng tín dụng đã ký của bà G với Ngân hàng M. Văn bản số 4154/CV-QLN của Ngân hàng M ký gửi vào Ủy ban ngày 20/10/2020 không liên quan đến chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban. Tuy nhiên bà (ông Phùng Công D) đã không kiểm tra, đối chiếu kỹ thông tin mà Ngân hàng M thể hiện trên văn bản với bà Trần Thị Châu G nhưng đã vội vàng có bút phê ký chuyển hầu hết các lãnh đạo và các phòng ban khác trong Ủy ban. Việc làm này đã sai quy định, làm tổn thương đến danh dự và uy tín của bà Châu Giang trong cơ quan. Tôi xin lỗi bà Châu Giang. Kể từ ngày hôm nay, bà thu hồi công văn đến số 835 ngày 02/11/2020 liên quan đến văn bản số 4154/CV-QLN của Ngân hàng M từ tất cả các phòng ban trong Ủy ban và yêu cầu không được một nhân viên, lãnh đạo hay phòng ban nào được phép lưu giữ hay lưu truyền văn bản này dưới bất cứ hình thức nào”.

Yêu cầu đăng tải lên báo Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh – Trang I – có đóng khung, liên tục trong vòng một tháng, mỗi tuần 03 ngày vào ngày thứ hai, ba, tư và sáu hàng tuần.

*Tại các các buổi hòa giải tại Tòa án, bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần M có ông Võ Văn Q đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Về việc M gửi Công văn số 4154/CV-QLN.20 đề ngày 20/10/2020 (sau đây gọi là “Công văn 4154”) đề nghị hỗ trợ thu nợ:

Như nguyên đơn đã trình bày trong Đơn khởi kiện thì M có cấp tín dụng cho cá nhân bà Trần Thị Châu G (nguyên đơn). Khi bà Trần Thị Châu G vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản vay bị nợ quá hạn, M đã nhiều lần làm việc và yêu cầu bà Trần Thị Châu G thanh toán nợ cho M, minh chứng là M đã gửi Thư nhắc nợ, Thông báo chuyển nợ quá hạn, Thông báo thu hồi nợ trước hạn, các Biên bản làm việc (bà Trần Thị Châu G đã nộp kèm đơn khởi kiện). Vào tháng 4/2020, bà G có đơn xin được gia hạn thời hạn vay và hoàn trả vốn đối với Hợp đồng cấp tín dụng số LCN.CN.2440.071119. Sau khi xem xét, ngày 18/5/2020, M và bà G thỏa thuận ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung số LNC.CN2440.071119/SĐBS-01 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung số 296\*915649/PL-01, trong đó gia hạn thời hạn trả nợ khoản vay của Hợp đồng cấp tín dụng số LCN.CN.2440.071119 “từ này 25/5/2020 đến ngày 31/7/2020 hoặc đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch tùy thời điểm nào đến trước”. Như vậy, cơ cấu lại thời hạn trả nợ là quyền của M vì giữa M với bà G đã có thỏa thuận về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên bà G phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng thỏa thuận. Do đó, sau nhiều lần đốc thúc, nhắc nhở nhưng bà Trần Thị Châu G vẫn không thanh toán nợ vay nên ngày 20/10/2020, M đã gửi Công văn 4154 đến Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài (“Ủy ban”) – là nơi bà Trần Thị Châu G làm việc, đề nghị hỗ trợ thu nợ đối với bà Trần Thị Châu G.

Nội dung Công văn 4154 bao gồm hai nội dung đề nghị phía Ủy ban xem xét hỗ trợ: (I) đôn đốc bà Trần Thị Châu G trả nợ, hoặc (II) trích thu nhập để thanh toán nợ như Hợp đồng tín dụng đã ký, có ý nghĩa như sau:

Một là, xem xét hỗ trợ được hiểu là việc chủ thể nhận được yêu cầu hoặc đề nghị sẽ phải tìm hiểu, quan sát, đánh giá kỹ vụ việc và rút ra những nhận xét, kết luận cần thiết để từ đó quyết định có hỗ trợ (giúp đỡ) giải quyết vụ việc đó hay không. Việc giải quyết công văn đến (Công văn 4154) theo trình tự như thế nào là do phía Ủy ban quy định theo quy chế nội bộ và/hoặc theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư. Do vậy, phía Ủy ban hoàn toàn có quyền từ chối giải quyết Công văn 4154 của M. Việc bà Trần Thị Châu G cho rằng Ủy ban đã phổ biến Công văn 4154 trong nội bộ Cơ quan nhằm “nhục mạ, làm tổn thương danh dự và làm mất uy tín trong cơ quan” như đã nêu trong Đơn khởi kiện thì M không biết, không thể biết; và giả định rằng có sự việc như trên thì đó là hành vi đơn phương từ phía Ủy ban.

Hơn nữa, Công văn 4154 hoàn toàn không chứa đựng hoặc hàm ẩn nội dung “nhục mạ, làm tổn thương danh dự và làm mất uy tín trong cơ quan” bà Trần Thị Châu G – như lời nguyên đơn trình bày, và M hoàn toàn không có chủ định này.

Hai là, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì “Trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, thì tổ chức tín dụng có quyền áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo thỏa thuận cho vay, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật có liên quan”. Hiện nay, M được biết chỉ có Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định các biện pháp đốc thúc, thu hồi nợ đối với Công ty tài chính (khoản 2 Điều 7), ngoài ra cũng không có bất cứ văn bản pháp luật nào cấm Tổ chức tín dụng gửi văn bản đề nghị xem xét hỗ trợ thu nợ như nêu trên.

Do vậy, nguyên đơn cho rằng Ngân hàng M vi phạm pháp luật khi gửi Công văn 4154 là không có cơ sở và ngược lại, còn gây ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của M.

Về việc M cung cấp thông tin về khoản vay của bà Trần Thị Châu G trong Công văn 4154.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức khác, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây: (b) Có chấp thuận của khách hàng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận với khách hàng” và thỏa thuận tại Điều 8.4.6 Hợp đồng cấp tín dụng có nêu “(8.4) Các bên có nghĩa vụ bảo mật thông tin có được theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm và các tài liệu liên quan trừ các trường hợp sau:... (8.4.6) Để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm”. Do vậy, việc M cung cấp thông tin (chỉ bao gồm tên của Bên vay, tổng dư nợ vay) trong Công văn 4154 là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận giữa M với bà Trần Thị Châu G, phù hợp với quy định pháp luật.

*Tại các buổi làm việc tại Tòa án bị đơn ông Phùng Công D có ông Nguyễn Chí T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 02/11/2020, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ủy ban) đã nhận được văn bản số 4154/CV-QLN20 ngày 20/10/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), xác định đây là văn bản hành chính thông thường giữa các tổ chức,

đơn vị khác gửi đến Ủy ban. Văn thư đơn vị thực hiện quy trình theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 về ban hành Quy chế về công tác văn thư và lưu trữ của Ủy ban.

Căn cứ theo Điều 13, Quyết định số 33/QĐ-UBND về quy trình khi tiếp nhận, đăng ký văn bản đến và phân loại văn bản đến, trình tự giao văn bản đến, thì việc đơn vị xử lý “văn bản đến” đối với văn bản của Ngân hàng là đúng quy trình và đúng quy định về công tác văn thư, lưu trữ.

Ủy ban làm việc theo chế độ chủ trương nên việc Chủ nhiệm xử lý văn bản, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phê chuyển cho bộ phận nào đó thực hiện là thẩm quyền của Chủ nhiệm. Đối với trường hợp văn bản của Ngân hàng có liên quan đến cá nhân bà Trần Thị Châu G gửi đến đơn vị, xác định bà G là công chức của Ủy ban, chức vụ Chuyên viên, bộ phận công tác Phòng Kinh tế Khoa học Công nghệ.

Việc bà G có Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, đơn vị hoàn toàn không biết và cũng không có ký xác nhận bất kỳ giấy tờ nào có liên quan để bà G thực hiện hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Vì vậy, khi nhận được văn bản của Ngân hàng, Chủ nhiệm Ủy ban chỉ đạo văn thư sao gửi văn bản nêu trên đến các nơi có liên quan để lưu trữ, cụ thể: Chủ nhiệm, các Phó chủ nhiệm, Phòng Kinh tế Khoa học Công nghệ là nơi bà G công tác, Phòng tổ chức cán bộ và Chính sách là nơi lưu trữ hồ sơ cán bộ công chức và người lao động; Văn phòng là nơi lưu trữ văn thư của đơn vị.

Ủy ban xác định đây là việc riêng của bà G với Ngân hàng, vì vậy, đơn vị không có động thái yêu cầu gì đối với bà G phải trả tiền cho Ngân hàng hoặc trừ lương, trừ thưởng của bà G để thu hồi nợ giúp Ngân hàng; không gây thiệt hại bất kỳ vấn đề gì đối với bà G.

Đối với nội dung theo Thông báo thụ lý vụ án số 408/TB-TLVA ngày 12/5/2021 của TAND Quận I “Buộc ông D ra quyết định thu hồi và tiêu hủy văn bản số 4154/CV-QLN và phải có văn bản cũng như xin lỗi bà G công khai tại buổi giao ban toàn cơ quan ngày sau thời gian Ngân hàng thực hiện việc xin lỗi bà G”, Ủy ban có ý kiến như sau:

Ông D không phải là người ký văn bản 4154/CV-QLN của Ngân hàng nên việc thu hồi không thuộc thẩm quyền của ông D. Việc chủ nhiệm xử lý văn bản đến là công việc thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính nhà nước và để điều hành hoạt động của đơn vị theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành tại Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019, vì vậy chủ nhiệm không ban hành văn bản cũng như tổ chức xin lỗi bà G trước cơ quan theo yêu cầu của bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận I - Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn – bà Trần Thị Châu G về việc:

- Ngân hàng TMCP M phải gửi văn bản đề nghị Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi lại văn bản số 4154/CV-QLN ngày 20/10/2020 và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng M phải xin lỗi công khai bà trước toàn thể cán bộ - công nhân viên Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời đăng nội dung thư xin lỗi trên Báo Tuổi Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh liên tục trong vòng một tháng, mỗi tuần ba ngày vào ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu hàng tuần.

- Ông Phùng Công D phải ra quyết định thu hồi và hủy văn bản số 4154/CV-QLN ngày 20/10/2020 của Ngân hàng TMCP M có đóng dấu công văn đến của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh số 835 ngày 02/11/2020; và yêu cầu ông D xin lỗi công khai bà Trần Thị Châu G tại buổi họp toàn cơ quan đồng thời đăng nội dung thư xin lỗi trên Báo Tuổi Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh liên tục trong vòng một tháng, mỗi tuần ba ngày vào ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu hàng tuần.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2022, bà Trần Thị Châu G kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị Châu G trình bày: Bà yêu cầu hủy bản án sơ thẩm bởi các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã không căn cứ vào các cơ sở pháp luật khi tuyên án; Không thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, không căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lý do mà bà khởi kiện để xét xử và tuyên án; Đã có vi phạm tố tụng nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà; và đã không phân tích, nhận định đánh giá khách quan, không căn cứ vào lẽ công bằng, lý do khởi kiện của bà để tuyên án. Luận cứ của bà trong quá trình tranh tụng tại tòa sơ thẩm đã không được Tòa án xem xét. Bị đơn không đủ chứng cứ để bảo vệ cho hành vi của mình.

Bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần M có ông Võ Văn Q đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà G. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà G và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận I.

Luật sư Nguyễn Hữu Q là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Châu G trình bày: Trước tiên phải hiểu về danh dự,

nhân phẩm, uy tín để thấy văn bản 4154/CV-QLN ngày 20/10/2020 của Ngân hàng M đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà G. Xét tính hợp pháp của bản án sơ thẩm, thì nếu phần nhận định không dựa trên tài liệu chứng cứ về sự kiện có thật, không chọn luật tố tụng dân sự và luật chuyên ngành làm tiêu chí xác định tính đúng sai cho hành vi của mỗi đương sự thì nội dung quyết định đó không khách quan và trái pháp luật. Theo quan điểm của luật sư, bản án sơ thẩm mà bà G kháng cáo toàn bộ là bản án sơ thẩm trái luật cần xét lại và hủy bỏ. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng không thu thập tài liệu chứng cứ, không căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lý do mà bà khởi kiện để xét xử và tuyên án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà G, hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận I - Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức: Ngày 15/9/2022, Tòa án nhân dân Quận I xét xử vụ án theo Bản án số 53/2022/DS-ST. Ngày 26/9/2022, bà Trần Thị Châu G có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn kháng cáo đúng quy định nên được chấp nhận xem xét.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị Quỳnh A là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phùng Công D - Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng bà Lê Thị Quỳnh A.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận I:

[2.1] Bà G yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn là Bộ phận thanh tra giám sát

ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các hành vi của Ngân hàng M khi gửi văn bản 4154/CV-QLN ngày 20/10/2020; Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bị đơn là Ngân hàng M cung cấp, tài liệu, chứng cứ là “quy trình xử lý nợ xấu” được áp dụng đến thời điểm hiện nay; Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập, lấy lời khai của bà Lê Thị M và Nguyễn Thị Mỹ H - ngân hàng M chi nhánh V để yêu cầu cung cấp chứng cứ và xác minh thông tin vì toàn bộ quá trình vay vốn và thanh toán nợ vay bà G đều làm việc trực tiếp với hai người này, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà G yêu cầu Ngân hàng M phải công khai xin lỗi bà trước toàn thể cán bộ - công nhân viên Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời đăng nội dung thư xin lỗi trên Báo Tuổi Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh liên tục trong vòng một tháng, mỗi tuần ba ngày vào ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu hàng tuần vì Ngân hàng gửi văn bản đòi nợ đến cơ quan nơi bà công tác đã bôi nhọ và làm nhục danh dự và nhân phẩm của bà. Xét thấy, bà G vay nợ là quan hệ dân sự thông thường, việc ngân hàng có văn bản nhắc nợ bà G gửi đến cơ quan nơi bà công tác không làm ảnh hưởng danh dự, uy tín của bà và thực tế bà cũng không có thiệt hại gì do việc Ngân hàng gửi văn bản nhắc nợ đến gây ra cho bà. Do vậy, việc tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn là Bộ phận thanh tra giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các hành vi của Ngân hàng M khi gửi văn bản 4154/CV – QLN; yêu cầu bị đơn là Ngân hàng M cung cấp, tài liệu, chứng cứ là “quy trình xử lý nợ xấu”; triệu tập, lấy lời khai của bà Lê Thị M và Nguyễn Thị Mỹ H - ngân hàng M chi nhánh V để yêu cầu cung cấp chứng cứ và xác minh thông tin là không cần thiết vì xét thấy danh dự, uy tín của bà G không bị xâm phạm. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận triệu tập những người này là đúng.

[2.2] Bà G cho rằng ông Nguyễn Chí T không có ủy quyền đúng quy định của pháp luật nhưng lại được Tòa án cấp sơ thẩm cho phép đại diện trình bày cho bị đơn Phùng Công D là không đúng, vì ngày 22/11/2021 ông Phùng Công D có văn bản số 668/GUQ – UBNV, việc ủy quyền của ông D cho ông Tâm bằng giấy ủy quyền là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015.

Bà G cho rằng bà Đinh Thị Phương T không có giấy ủy quyền đúng quy định của pháp luật và cũng không có liên quan đến vụ án nhưng lại có Công văn số 408/UBNV-VP ngày 15/6/2022 gửi Tòa án về việc phúc đáp đề nghị của Tòa án Quận I là không đúng, vì bà Thảo ký văn bản trên là KT. Chủ nhiệm với tư cách Phó chủ nhiệm ủy ban. Việc bà G yêu cầu triệu tập, lấy lời khai ông Võ Thành C (Phó chủ nhiệm), ông Trần Đức H (Phó chủ nhiệm), ông Trần Quang T (Trưởng phòng kinh tế), ông Nguyễn Vũ Minh H (phó phòng tổ chức), ông Nguyễn Chí T (Chánh văn phòng) là những người nhận được công văn đến số 835 ngày 03/11/2022, có bút phê của ông D để cho biết họ đã làm gì sau khi

nhận được bút phê của ông D trên văn bản số 4154 của Ngân hàng M; tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu bị đơn ông Phùng Công D cung cấp cho tòa các quy định, thông tư của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ và các cơ sở pháp lý để thực hiện bút phê trên Công văn đến số 835 ngày 02/11/2020 với mục đích lưu trữ là không cần thiết, bởi bà G cho rằng Ngân hàng có văn bản nhắc nợ bà gửi đến cơ quan nơi bà công tác và lãnh đạo cơ quan có bút phê chuyển các lãnh đạo phòng ban là làm tổn hại nghiêm trọng đến danh dự của bà, làm ảnh hưởng uy tín của bà. Tuy nhiên như trên đã phân tích, việc cá nhân vay nợ là quan hệ dân sự thông thường, danh dự uy tín của bà G không bị thiệt hại hay ảnh hưởng gì.

Bà G yêu cầu hủy án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tại sao trên các thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo thu hồi nợ trước hạn, thư đề nghị trả nợ ...của Ngân hàng M gửi cho bà đều ghi “kính gửi Trần Thị Châu G và H” nhưng khi gửi văn bản số 4154/CV – QLN đến cơ quan bà lại chỉ ghi “bên vay bà Trần Thị Châu G”, tuy nhiên tình tiết này không phải là tình tiết vi phạm tố tụng, nên không phải là căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

Bà G cho rằng Tòa án sơ thẩm không triệu tập và lấy lời khai của ông H, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong vụ án này, bà G là người yêu cầu Ngân hàng M và ông Phùng Công D – Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh xin lỗi công khai bà tại nơi bà công tác, đồng thời đăng nội dung thư xin lỗi trên Báo Tuổi Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh liên tục trong vòng một tháng, mỗi tuần ba ngày vào ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu hàng tuần, yêu cầu của bà G không liên quan đến ông Hùng; không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Hùng nên việc triệu tập ông Hùng tham gia vào trong vụ án là không cần thiết.

Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Châu G đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận I là không có căn cứ.

[2.3] Xét nội dung công văn số 4154/CV-QLN.20 ngày 20/10/2020 của Ngân hàng TMCP M chỉ nêu thông tin là bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng M, số tiền nợ, và đề nghị Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ đôn đốc bà G trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà G cho rằng bà là người xuất thân trong gia đình nhà giáo, bản thân là người có học thức và là lao động nữ lớn tuổi nhất tại cơ quan. Việc ngân hàng gửi văn bản đòi nợ đến nơi bà làm việc làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của bà. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc cá nhân vay tiền ngân hàng là quan hệ dân sự thông thường, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội hay thuần phong mỹ tục mà đây là quyền mà bất kỳ cá nhân nào cũng có quyền thực hiện nên việc người trong cơ

quan bà G biết bà vay tiền của Ngân hàng không làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nội dung công văn số 4154/CV-QLN.20 ngày 20/10/2020 của Ngân hàng TMCP M không làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà G và không chấp nhận yêu cầu của bà G là phù hợp.

Sau khi nhận được Công văn số 4154/CV-QLN.20 ngày 20/10/2020 của Ngân hàng TMCP M nói trên, ông Phùng Công D với trách nhiệm là Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài đã bút phê sao gửi công văn trên đến các nơi có liên quan để lưu trữ bao gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, Phòng Kinh tế Khoa học Công nghệ, Phòng Tổ chức cán bộ và Chính sách, Văn phòng.

Bà G cho rằng việc ông D bút phê gửi các phòng ban liên quan là vi phạm quy chế văn thư lưu trữ và là hành vi phát tán thông tin làm ảnh hưởng đến nhân phẩm, danh dự, uy tín của bà. Như đã nhận định ở trên, thì công văn số 4154/CV-QLN.20 ngày 20/10/2020 của Ngân hàng TMCP M không đưa thông tin gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà G. Ông D bút phê gửi các phòng ban liên quan để lưu trữ cũng không làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của bà. Việc ông D có vi phạm quy chế về văn thư lưu trữ hay không là trách nhiệm của cơ quan quản lý cán bộ công chức ông D kiểm tra và xử lý.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về việc sao gửi công văn số 4154/CV-QLN.20 ngày 20/10/2020 của Ngân hàng M đến các phòng ban trong Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài không phải là việc đưa thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm uy tín của bà G. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà G về việc buộc ông D phải xin lỗi công khai trong cuộc họp toàn cơ quan cũng như trên phương tiện thông tin đại chúng là đúng.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Châu G giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Trần Thị Châu G không được chấp nhận nên bà G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Bà Trần Thị Châu G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0007581 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị Châu G.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Châu G về việc:

- Ngân hàng TMCP M phải gửi văn bản đề nghị Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi lại văn bản số 4154/CV-QLN ngày 20/10/2020 và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng M phải xin lỗi công khai bà trước toàn thể cán bộ - công nhân viên Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời đăng nội dung thư xin lỗi trên Báo Tuổi Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh liên tục trong vòng một tháng, mỗi tuần ba ngày vào ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu hàng tuần.

- Ông Phùng Công D phải ra quyết định thu hồi và hủy văn bản số 4154/CV-QLN ngày 20/10/2020 của Ngân hàng TMCP M có đóng dấu công văn đến của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh số 835 ngày 02/11/2020; và yêu cầu ông D xin lỗi công khai bà Trần Thị Châu G tại buổi họp toàn cơ quan đồng thời đăng nội dung thư xin lỗi trên Báo Tuổi Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh liên tục trong vòng một tháng, mỗi tuần ba ngày vào ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu hàng tuần.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Châu G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2019/0033147 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Châu G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0007581 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận I;
- Chi cục THADS Quận I;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS, VP (T/18).

**Trần Thị Kim Quy**

